

Bản án số: **30/2023/DS-ST**

Ngày: 14-12-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Khắc Vũ.

2. Ông Trần Khánh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 14/12/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 90/2023/TLST-DS ngày 03/8/2023 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-DS ngày 07/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-DS ngày 21/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thế C, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai;

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh C có mặt tại phiên tòa, chị Đ vắng mặt không có lý do;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thế C trình bày: Vì là chỗ quen biết với nhau đã lâu nên chị Hoàng Thị Đ có nhờ và được anh vay giùm tại các Ngân hàng sau: ngày 12/8/2021 vay Ngân hàng FHP, ngày 06/8/2021 vay Ngân hàng MB và ngày 05/8/2021 vay Ngân hàng FE với tổng số tiền là 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu đồng*). Khi chị Đ nhờ anh vay tiền thì anh đã chuyển khoản tiền cho chị Đ làm nhiều lần và đến ngày 24/11/2021 giữa anh và chị Đ đã thống nhất lại số tiền chị Đ còn nợ anh và chị Đ đã tự nguyện ghi nội dung trên vào giấy vay tiền và ký, ghi rõ họ tên người vay vào giấy và giao lại cho anh giữ. Trong giấy vay tiền chị Đ đã ghi nhầm lẫn giữa số tiền bằng số và bằng chữ cụ thể là chị Đ ghi là *“ba mươi bốn triệu chín trăm”*, thực tế số tiền được thống nhất trong giấy vay tiền là ba mươi bốn triệu đồng. Khi xác

nhận nợ chị Đ hẹn là sẽ có trách nhiệm trả lãi hàng tháng cho các Ngân hàng theo lãi suất của từng Ngân hàng theo số tiền nợ gốc là 34.000.000 đồng và chị Đ hẹn qua tết: tháng 8 (tức là tháng 8/2021) sẽ trả hết số tiền trên. Tuy nhiên, trong quá trình vay, chị Đ chưa trả được cho anh được bất kỳ khoản nợ gốc nào.

Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng chị Đ không trả nợ được cho anh mặc dù anh đã nhiều lần gặp trực tiếp để yêu cầu chị Đ trả nợ nhưng chị Đ vẫn không chịu trả nên anh khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện K yêu cầu chị Đ phải trả cho anh số tiền còn nợ là 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu đồng*) nợ gốc. Anh không yêu cầu chị Đ phải trả tiền lãi.

Tại phiên toà, anh C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và không có bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải bị đơn chị Hoàng Thị Đ trình bày: Chị và anh Trần Thế C có mối quan hệ quen biết đã lâu, anh C tự nguyện hứa sẽ vay giúp chị số tiền là 20.000.000 đồng để chị kinh doanh. Tuy nhiên, sau này khi mối quan hệ tình cảm giữa chị và anh C không được gia đình cho phép thì vào ngày 24/11/2021 anh C yêu cầu chị phải viết giấy nhận vay tiền theo nội dung anh C đọc cho chị viết thì anh C mới đưa tiền. Tại thời điểm đó, chị nghĩ vì là chỗ thân quen, bạn bè giúp đỡ nhau nên chị đã tự nguyện viết lại nội dung nhận nợ anh C số tiền là 34.000.000 đồng vào giấy vay tiền đề ngày 24/11/2021 và tự nguyện ký, ghi rõ họ tên Hoàng Thị Đ và giao lại cho anh C giữ. Giấy vay tiền anh C cung cấp cho Tòa án đúng chữ viết và chữ ký của chị. Nhưng sự thật là anh C chưa giao tiền cho chị, chị Đ cũng không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án về việc chưa nhận được số tiền 34.000.000 đồng từ anh C. Chị cũng không có ký kết Hợp đồng với các Ngân hàng như trong Giấy vay tiền đã ghi là 12/8 Ngân hàng FHP, Ngân hàng MB ngày 06/8 và Ngân hàng FE 05/8 nên anh C không có cơ sở để yêu cầu chị phải trả lại số tiền nợ trên. Hơn nữa, giấy vay tiền không có chữ ký của người cho vay là anh C và không có ghi ngày giao đủ số tiền nêu trên cho chị. Vì vậy, chị Đ không chấp nhận trả cho anh C số tiền 34.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền đề ngày 24/11/2021 có nội dung “....**GIẤY VAY TIỀN.** Tôi tên Hoàng Thị Đ 20/05/1991 tôi có nhờ ông Trần Thế C vay tiền bên 3 ngân hàng, hàng tháng tôi có trách nhiệm trả lãi hàng tháng, và không để liên lụy đến ông C (các ngày trả 12/08/ (FHP) Ngân hàng MB (ngày 6/08/ ngân hàng FE: 5/08) còn số tiền là 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu chín trăm*). Tôi có trách nhiệm trả cho ông C là qua tết: Tháng 8 tôi trả hết số tiền trên là 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu chín trăm*). Nếu không trả tôi có trách nhiệm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. K ngày 24/11/2021. Đ Hoàng Thị Đ” ký, ghi rõ họ tên và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thế C (bản pho to);

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp, gồm: 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Thị Đ (bản photo).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1991, có địa chỉ tại Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua 01 Căn cước công dân mang tên Hoàng Thị Đ (bản photo) do chị Đ cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất; bị đơn cư trú tại địa bàn huyện K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập chị Hoàng Thị Đ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng chị Đ vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 24/11/2021 có nội dung bị đơn chị Hoàng Thị Đ nhờ anh Trần Thế C vay giúp chị Đ số tiền là 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu đồng*), chị Đ tự nguyện ghi nội dung này vào giấy vay tiền và phía dưới có chữ ký của chị Đ. Chứng cứ là giấy vay tiền nói trên đã được chị Đ thừa nhận đúng là chữ viết và chữ ký của chị. Trong giấy vay tiền chị Đ hẹn tháng 8 năm 2022 sẽ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh C, tuy nhiên đến nay chị Đ vẫn chưa trả được cho anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Đ không thừa nhận có vay anh C số tiền 34.000.000 đồng trên vì do mối quan hệ tình cảm giữa chị và anh C không được gia đình cho phép nên vào ngày 24/11/2021 anh C yêu cầu chị phải viết giấy nhận vay tiền theo nội dung anh C đọc cho chị viết thì anh C mới đưa tiền. Nhưng sau khi chị viết nội dung vay anh C với số tiền 34.000.000 đồng vào giấy vay tiền đề ngày 24/11/2021 thì anh C không giao tiền cho chị như đã hứa. Chị Đ trình bày chị cũng không có ký kết Hợp đồng với các Ngân hàng như trong Giấy vay tiền đã ghi là 12/8 Ngân hàng FHP, Ngân hàng MB ngày 06/8 và Ngân hàng FE 05/8 và giấy vay tiền không có chữ ký của người cho vay là anh C và không có ghi ngày giao đủ số tiền nêu trên cho chị nên anh C không có cơ sở để yêu cầu chị phải trả lại số tiền nợ trên. Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử thấy rằng: thời gian vay tiền tại các Ngân hàng đều trong tháng 8/2021 nhưng sau đó đến ngày 24/11/2021 giữa anh C và chị Đ mới lập văn bản là Giấy vay tiền và chị Đ cho rằng chị chưa nhận được số tiền đã viết giấy nhận nợ là không hợp lý. Đồng thời việc khai nhận của chị Đ không được anh C chấp nhận, chị Đ cũng không cung cấp được chứng cứ gì cho Tòa án về việc chị chưa nhận tiền từ anh C nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị Hoàng Thị Đ.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định, hiện bị đơn chị Hoàng Thị Đ vẫn còn nợ nguyên đơn anh Trần Thế C số tiền 34.000.000 đồng đã được ghi nhận trong giấy vay tiền đề ngày 24/11/2021. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế C, buộc bị đơn chị Hoàng Thị Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu đồng*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Anh C không yêu cầu chị Đ phải trả tiền lãi của số nợ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thế C được chấp nhận toàn bộ nên anh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Chị Hoàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 34.000.000 đồng x 5% = 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế C.

Buộc bị đơn chị Hoàng Thị Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền 34.000.000 đồng (*ba mươi bốn triệu đồng*) nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án (anh C) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (chị Đ) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (34.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Hoàng Thị Đ phải chịu 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn anh Trần Thế C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003966 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/12/2023) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia

Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM **TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**